

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN T  
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HSST

Ngày: 01-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Minh T

Bà Trần Thị N

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Diễm T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tý và Ông Lê Văn H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST - HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-HSST, ngày 22 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HS ngày 05/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 300/TB.TA ngày 13/10/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Trọng Q**, sinh năm: 1992. Tại: Long A. Tên gọi khác: Quy.

Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị C; bản thân có vợ tên Võ Thị Cẩm D, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án - tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/02/2018, bị Công an huyện Tân T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/11/2020, tạm giam ngày 21/11/2020 cho đến nay (có mặt).

**2. Đinh Quốc Qu**, sinh năm: 1993. Tại: Long A. Nơi cư trú: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học

vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T và bà Vũ Thị V; bản thân có vợ tên Trương Thị Bé N, có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án - tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2020; tạm giam từ ngày 21/11/2020 cho đến nay (có mặt).

**3. Lê Văn P**, sinh năm: 1993. Tại: Long A. Tên gọi khác: Thương

Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Phan Thị H; bản thân chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: ngày 23/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A xử phạt 01 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2020; nhân thân: ngày 29/7/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long A ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng, về hành vi “Gây rối trật tự công cộng và xúc phạm danh dự nhân phẩm người khác”; ngày 04/3/2018, bị Công an huyện Tân T quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”; ngày 18/5/2017 có hành vi phạm tội “Hủy hoại tài sản”, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T, tỉnh Long A đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn P. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can và miễn trách nhiệm hình sự cho Lê Văn P theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2020; tạm giam từ ngày 21/11/2020 cho đến nay (có mặt).

**4. Nguyễn Văn Qn**, sinh năm: 1991. Tại: Tiền G. Tên gọi khác: Qn 79. Nơi cư trú: ấp Thận C, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Kim L; bản thân chưa có vợ, con; tiền án; không; tiền sự: ngày 27/7/2020, bị Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2020; tạm giam từ ngày 21/11/2020 cho đến nay (có mặt).

**5. Phạm Văn Tp**, sinh năm: 1987. Tại: Long A. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Phụng A và bà Võ Thị L; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Mộng V, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; tiền án – tiền sự: không. Bị

cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2020; tạm giam từ ngày 21/11/2020 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Tp:* Ông Nguyễn Hòa B – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long A (có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp Mỹ Tây 3, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T (vắng mặt).

2. Trần Văn Dũng Lm, sinh năm: 1995. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Đ, xã Ngọc T, huyện Giồng R, tỉnh Kiên G (vắng mặt).

3. Đặng Văn Dn, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: ấp Thanh A, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị Mộng Vn, sinh năm: 1999. Nơi cư trú: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

2. Trần Minh C, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

3. Trương Thị Bé N, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

4. Lê Thị Diễm S, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

5. Đinh Văn T, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: ấp Giồng D, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

6. Phạm Thị C, sinh năm: 1958. Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

7. Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1985. Cư trú: ấp Thận C, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

8. Nguyễn Thị Mộng V, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

9. Phạm Thanh Tg, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

10. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

11. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: ấp Hoàng M, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

12. Lê Văn Th, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: ấp Phước C, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị Thùy Dg, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: ấp Hòa T, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/11/2020, tại quán cà phê “Đài Tũn” thuộc ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A, lực lượng Công an huyện Tân T bắt quả tang Nguyễn Văn Qn đang thực hiện hành vi thu tiền “Bảo kê” của anh Nguyễn Duy Đ và Trần Văn Dũng Lm cùng là nhân viên quản lý của 02 trại nuôi cá, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức. Tang vật thu giữ gồm: Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động (ĐTDD) hiệu OPPO F5, màu vàng (gold) có vỏ nhựa (ốp lưng) bên ngoài, bên trong có gắn 01 thẻ sim số 0375.728.255 và 01 thẻ sim số 0783.278.040; 01 ĐTDD hiệu OPPO F9, màu xanh - đen, bị hư bong tróc màn hình không sử dụng được; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, màu Đỏ - Đen - Bạc, số máy: JA39E0553489, số khung: 390XHY578304, biển số 62E1-203.36.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng giữa tháng 8 năm 2020, do biết được anh Nguyễn Duy Đ là nhân viên quản lý trại nuôi cá, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức thường thu mua và nuôi cá tại khu vực ấp Hoà Tân, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A nên Đinh Quốc Qu, Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn có ý định đe dọa, uy hiếp đối với anh Nguyễn Duy Đ phải nộp tiền hàng tháng. Vào ngày 23/8/2020, Q gọi điện thoại rủ Đinh Quốc Qu đến nhà Q để uống bia. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đinh Quốc Qu đến nhà Q thì gặp các đối tượng gồm: Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Phạm Thanh Tg, Phạm Văn Di, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy, Nguyễn Thị L. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Q rủ cả nhóm cùng đi đến quán bia, nước giải khát do chị Nguyễn Thị Thùy Dg làm chủ, thuộc ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A (cách trại nuôi cá do anh Đ quản lý khoảng 100m), nhằm mục đích kêu anh Đ đến để đe dọa, uy hiếp yêu cầu Đ nộp tiền “Bảo kê” hàng tháng, cả nhóm đồng ý cùng đi. Khi đến quán của chị Dg, Q kêu chị Dg đem bia ra để cả nhóm cùng uống, đồng thời Q gọi điện thoại kêu anh Đ ra quán chị Dg để gặp cả nhóm. Cùng lúc này, Đinh Quốc Qu

gọi điện thoại rủ Lê Văn P đến cùng tham gia nhậu. Khi anh Đ đến quán, Q cùng với Đinh Quốc Qu dùng lời nói đe dọa buộc anh Đ phải nộp tiền bảo kê hàng tháng. Q biết được anh Trần Văn Dũng Lm cũng là nhân viên quản lý trại nuôi cá “Vạn Đức” chung với anh Đ nên Q yêu cầu anh Đ gọi điện thoại kêu anh Lm đến. Khi anh Lm đến, Q, Đinh Quốc Qu, P, Tg đe dọa, uy hiếp đối với anh Đ và anh Lm yêu cầu mỗi người phải nộp tiền “Bảo kê” hàng tháng cho cả nhóm mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nếu không đồng ý, thì sẽ gây khó khăn trong quá trình nuôi cá, anh Lm xin giảm số tiền xuống, thì bị Q dùng tay đẩy mạnh vào người anh Lm làm anh Lm té xuống đất, còn P dùng ly thủy tinh đang uống bia ném vào người anh Lm nhưng không trúng, làm ly thủy tinh bị vỡ. Do hoảng sợ và sợ bị ảnh hưởng đến việc nuôi cá, nên anh Lm và anh Đ đồng ý nộp tiền “Bảo kê” theo yêu cầu nhóm của Q và hứa sẽ nộp tiền vào ngày 11 hàng tháng (dương lịch), kể từ tháng 9/2020. Sau đó, Q giao cho Nguyễn Văn Qn trực Tp thu tiền bảo kê của Đ và Lm hàng tháng.

Đến khoảng 07 giờ ngày 11/9/2020, anh Lm và anh Đ cùng gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Qn năn nỉ xin giảm số tiền nộp bảo kê xuống cho mỗi người nộp 2.000.000 đồng/tháng, thì Qn đồng ý và Nguyễn Văn Qn có nói lại sự việc anh Đ, anh Lm xin giảm số tiền nêu trên cho Q biết và Q cũng đồng ý. Thời gian từ ngày 11/9/2020 đến ngày 12/11/2020, Nguyễn Văn Qn đã trực Tp thu tiền bảo kê của anh Đ và anh Lm 03 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 11/9/2020, Nguyễn Văn Qn hẹn Đ và Lm đến tại quán cà phê của “Đài Tũn”, thuộc ấp Hòa H, xã Bắc H, huyện Tân T để nộp tiền bảo kê. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Qn điều khiển xe mô tô biển số 62E1-203.36 đến quán cà phê “Đài Tũn”. Nguyễn Văn Qn thấy trong quán có nhiều người nên Tp tục điều khiển xe về hướng xã Bắc H đậu trên Tỉnh lộ 837B, cách quán cà phê “Đài Tũn” khoảng 50 mét, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại cho Lm, Đ đến và lấy tiền bảo kê mỗi người 2.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn Qn điều khiển xe và đem tiền về quán nhậu “An Mật”, thuộc ấp Nguyễn Sơn, xã Nhơn Hòa Lập, huyện Tân T gặp Q, Di, Tg đang uống bia tại quán, Nguyễn Văn Qn đưa cho Di 2.000.000 đồng và kêu Di chia lại cho Đinh Quốc Qu và Lê Văn P, Nguyễn Văn Qn chia cho Di 200.000 đồng, số tiền còn lại Nguyễn Văn Qn dùng trả tiền uống bia chung với Q, Di, Tg. Sau đó, Di gọi điện thoại kêu P đến quán “An Mật”, Di chia cho P 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng Di cất giữ.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 11/10/2020, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại hẹn anh Đ và anh Lm đến quán cà phê “Đài Tũn” để nộp tiền bảo kê. Sau đó anh Đ đến quán cà phê “Đài Tũn” đưa bảo kê cho Nguyễn Văn Qn 4.000.000 đồng (gồm tiền của anh Lm 2.000.000 đồng, do anh Lm bận công việc không đến được), Nguyễn Văn Qn nhận tiền rồi đi đến nhà Q tổ chức nhậu chung với Q, Di, D, Dy. Tại đây, Nguyễn Văn Qn chia cho Di 2.000.000 đồng để Di chia lại cho Đinh Quốc Qu và P, nhưng Di không chia lại cho P và Đinh Quốc Qu. Nguyễn Văn Qn đưa cho Q 400.000 đồng để mua đồ nhậu, chia cho D và Dy mỗi người 100.000 đồng, số tiền còn lại 1.100.000 đồng Nguyễn Văn Qn trả tiền mua bia cho cả nhóm nhậu chung và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 12/11/2020, Nguyễn Văn Qn gọi điện thoại hẹn anh Lm, Đ đem tiền đến quán cà phê “Đài Tũn” nộp tiền bảo kê. Sau đó, Nguyễn Văn Qn điều khiển xe mô tô biển số 62E1-203.36 đến quán “Đài Tũn”, đến khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, anh Đ và anh Lm đến gặp Nguyễn Văn Qn, mỗi người đưa tiền “bảo kê” cho Nguyễn Văn Qn 2.000.000 đồng, tổng cộng 4.000.000 đồng, sau khi Nguyễn Văn Qn nhận tiền xong, thì bị lực lượng Công an huyện Tân T bắt quả tang.

Ngoài ra, vào ngày 12/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T Tp nhận đơn tố giác về tội phạm của anh Đặng Văn Dn, nội dung tố giác 02 đối tượng Lê Văn P, Phạm Văn Tp có hành vi đe dọa, uy hiếp buộc anh Dn phải nộp tiền bảo kê khi anh Dn mua lúa tại xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T, tỉnh Long A. Quá trình điều tra xác định được:

Khoảng giữa tháng 9 năm 2020, Phạm Văn Tp biết được anh Đặng Văn Dn thường thu mua lúa tại khu vực gần nhà Tp nên nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản của anh Dn bằng hình thức thu tiền bảo kê khi anh Dn mua lúa trên địa bàn xã Hậu Thạnh T, huyện Tân T. Tp rủ Lê Văn P cùng thực hiện thì P đồng ý. Tp kêu anh Dn đến nhà Tp và dùng lời nói đe dọa, uy hiếp đối với anh Dn, yêu cầu anh Dn phải nộp tiền “Bảo kê” cho Tp số tiền 5.000 đồng/1 tấn lúa do anh Dn mua được, nếu anh Dn không đồng ý thì sẽ gây khó khăn, không cho anh Dn thu mua lúa trên địa bàn, anh Dn sợ Tp sẽ gây khó khăn trong việc làm ăn nên đồng ý nộp tiền bảo kê theo yêu cầu của Tp.

Đến khoảng 07 giờ ngày 30/10/2020, Tp kêu P gọi điện thoại cho anh Dn và kêu anh Dn đến nhà Tp để nói chuyện việc nộp tiền bảo kê. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, anh Dn đến nhà Tp gặp Tp, P và có a Lê Văn Th (anh ruột P, Th đến

nhà Tp chơi trước đó). Anh Dn nói với Tp, P sẽ nộp tiền “Bảo kê” cho Tp, P 500.000 đồng, do anh Dn đã mua được 100 tấn lúa, thì Tp, P không đồng ý, đồng thời lớn tiếng đe dọa, uy hiếp yêu cầu anh Dn phải đưa tiền bảo kê 1.500.000 đồng, anh Dn xin giảm xuống nộp tiền bảo kê 1.000.000 đồng, thì Tp, P đồng ý. Anh Dn đưa tiền cho Th nhờ Th đưa lại cho Tp số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, Tp cùng với P, Thành sử dụng mua bia và đồ nhậu hết. Đến ngày 12/11/2020, khi biết được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T đã bắt giữ P, thì Phạm Văn Tp ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTT, ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố 05 bị cáo cùng về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKS giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 3 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Văn Tp thời hạn tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Nguyễn Trọng Q từ 13 - 16 tháng tù.

Đinh Quốc Qu từ 12 – 15 tháng tù.

Nguyễn Văn Qn từ 13 - 16 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Lê Văn P từ 15 – 18 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 05 bị cáo.

Vật chứng trong vụ án: đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đề nghị tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước nhà nước: 01 thẻ sim số 0375.728.255, 01 thẻ sim số 0783.278.040, 01 ĐTDĐ hiệu OPPO F9, màu xanh - đen, bị hư bong tróc màn hình không sử dụng được của bị cáo Nguyễn Văn Qn và 01 ĐTDĐ hiệu Redmi 9A, màu đen, bên trong gắn sim số 0332.229.875 thuộc sở hữu của Đinh Quốc Qu.

Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu, nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Tp trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Tp: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật trong điều tra, khởi tố, truy tố đối với các bị cáo để các bị cáo, trong đó có bị cáo Tp tự nguyện khai báo nên vụ án đảm bảo khách quan. Bị cáo Tp đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Sau khi phạm tội đã đầu thú, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo Tp xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình bị cáo thực sự khó khăn; thời gian qua bị cáo bị tạm giữ, tạm giam bị cáo đã trả giá cho hành vi phạm tội của mình, trong thời gian đó bị cáo không có đóng góp cho gia đình nên hoàn cảnh gia đình càng thêm khó khăn. Người bào chữa thống nhất tội danh và mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị xét xử bị cáo thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam.

Các bị hại Nguyễn Duy Đ, Trần Văn Dũng Lm, Đặng Văn Dn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến, yêu cầu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hồ sơ thể hiện ý kiến, đồng thời cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện không có ý kiến, yêu cầu.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, cả các bị cáo nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.



[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với trình bày của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và đã thực hiện các hành vi khác để uy hiếp tinh thần của các bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2020 các bị cáo Nguyễn Trọng Q, Đinh Quốc Qu, Nguyễn Văn Qn, Lê Văn P dùng lời nói, hành động đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại Nguyễn Duy Đ, Trần Văn Dũng Lm đang là nhân viên của Công ty TNHH chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức, buộc các bị hại phải nộp tiền bảo kê hàng tháng, nếu không sẽ dùng vũ lực và gây khó khăn cho trại nuôi cá của Công ty. Do Đ và Lm hoảng sợ nên đã đồng ý nộp tiền bảo kê theo yêu cầu của các bị cáo. Sau đó, Nguyễn Văn Qn trực Tp thu tiền bảo kê của Đ và Lm ba lần: ngày 11/9/2020 thu 4.000.000 đồng; ngày 11/10/2020 thu 4.000.000 đồng; và ngày 12/11/2020 thu 4.000.000 đồng (bị lực lượng Công an huyện Tân T bắt quả tang, tạm giữ số tiền này, chưa chia), chiếm đoạt số tiền tổng là 12.000.000 đồng. Trong đó, các bị cáo đã dùng 8.000.000 đồng chia nhau tiêu xài và tổ chức nhậu chung cùng các đối tượng khác, cụ thể: Nguyễn Văn Qn được chia 400.000 đồng, Di được chia 2.700.000 đồng, P được chia 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn D được chia 100.000 đồng, Lê Thế Dy được chia 100.000 đồng, còn lại 3.200.000 đồng Nguyễn Văn Qn đã sử dụng tổ chức nhậu chung và tiêu xài hết.

Ngoài ra vào khoảng tháng 9 năm 2020, Phạm Văn Tp và Lê Văn P biết anh Đặng Văn Dn là người thu mua lúa (cò lúa), nên có ý định cưỡng đoạt tài sản của anh Dn bằng hình thức thu tiền bảo kê, nên dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần anh Dn buộc phải nộp số tiền 5.000đồng/1 tấn lúa khi mua được lúa tại địa bàn xã Hậu Thạnh T, nếu không sẽ dùng vũ lực và gây khó khăn trong việc làm ăn, do hoảng sợ nên Dn đồng ý nộp tiền theo yêu cầu. Đến khoảng 08 giờ ngày 30/10/2020, Tp kêu P điện thoại yêu cầu anh Dn đến nhà Tp để nộp tiền theo yêu cầu của cả hai là 1.500.000 đồng, nhưng anh Dn chỉ nộp 1.000.000 đồng do chỉ mua được 100 tấn lúa trên địa bàn, thì Tp, P đồng ý. Tp, P sử dụng tiền thu được của Dn mua bia và đồ nhậu hết.

Các bị cáo nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản của các bị hại và rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn mà không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại

khoản 2 Điều 17 BLHS. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo (05 bị cáo) đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ Luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các (05) bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần buộc người khác phải nộp tiền trái với ý muốn của họ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một cách thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự:

[4.1] Đối với bị cáo Phạm Văn Tp, bị cáo Tp phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Trọng Q; Đinh Quốc Qu và Nguyễn Văn Qn phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[4.3] Đối với bị cáo Lê Văn P phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm do vào ngày 23/10/2019, Lê Văn P đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A xử phạt 01 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2020, chưa được xóa án tích nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự:

Các bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tác động gia đình tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại, cụ thể: vợ của bị cáo Phạm Văn Tp tên Nguyễn Thị Mộng V nộp 1.000.000 đồng; chị của bị cáo Nguyễn Văn Qn tên Nguyễn Thị Kiều Tn nộp 2.000.000 đồng; cha của bị cáo Đinh Quốc Qu tên Đinh Văn T nộp 2.000.000 đồng; mẹ của bị cáo Nguyễn Trọng Q tên Phạm Thị C nộp 2.000.000 đồng; em của bị cáo Lê Văn P tên Lê Thị Diễm S nộp 2.000.000 đồng; các bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Bị cáo Tp có ông ngoại tên Võ Văn L là liệt sĩ; bị cáo P có cô ruột tên Lê Thị M là liệt sĩ; bị cáo Đinh Quốc Qu có bà nội tên Nguyễn Thị K tham gia cách mạng được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Q có cha tên Nguyễn Văn B có tham gia cách mạng được phong quân hàm Trung sĩ. Ngoài ra, bị cáo Tp sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đầu thú. Do đó các bị cáo còn được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Đồng thời, khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân của các bị cáo. Thấy rằng: bị cáo Tp, bị cáo Đinh Quốc Qu có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo Q; P và Nguyễn Văn Qn có nhân thân xấu, cụ thể:

[6.1] Bị cáo Q: ngày 09/02/2018, bị Công an huyện Tân T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”

[6.2] Bị cáo P: ngày 29/7/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long A ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 12 tháng, về hành vi “Gây rối trật tự công cộng và xúc phạm danh dự nhân phẩm người khác”; ngày 04/3/2018, bị Công an huyện Tân T quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”; ngày 18/5/2017 có hành vi phạm tội “Hủy hoại tài sản”, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T, tỉnh Long A đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn P. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can và miễn trách nhiệm hình sự cho Lê Văn P theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.3] Bị cáo Nguyễn Văn Qn: ngày 27/7/2020, bị Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “*Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác*”.

[7] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội từng bị cáo khi lượng hình. Cụ thể:

[7.1] Bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của anh Đ, Lm thể hiện vào ngày 23/8/2020 đã rủ các bị cáo Đinh Quốc Qu, Nguyễn Văn Qn và P và các đối tượng liên quan cùng đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại, tuy nhiên trong vụ án này thì bị cáo Q không có hưởng lợi.

[7.2] Bị cáo Nguyễn Văn Qn thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của anh Đ, Lm thể hiện vào ngày 23/8/2020 đã cùng các bị cáo Đinh Quốc Qu, P, Q cùng đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại, là người thực hành tích cực thể hiện ở hành vi trực tiếp đi thu tiền 03 lần sau đó chia tiền cho các bị cáo khác và các đối tượng trong nhóm và có hưởng lợi 400.000 đồng.

[7.3] Bị cáo Đinh Quốc Qu thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của anh Đ, Lm thể hiện vào ngày 23/8/2020 đã cùng các bị cáo Nguyễn Văn Qn, P, Q cùng đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại, tuy nhiên trong vụ án này thì bị cáo Đinh Quốc Qu không có hưởng lợi.

[7.4] Bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của anh Đ, Lm thể hiện vào ngày 23/8/2020 đã cùng các bị cáo Nguyễn Văn Qn, Đinh Quốc Qu, Q cùng đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại và có hưởng lợi 1.500.000 đồng. Trong vụ án cưỡng đoạt tài sản đối với anh Dn, P là người giúp sức tích cực cho bị cáo Tp thể hiện trong việc trực Tp điện thoại cho anh Dn để yêu cầu nộp tiền.

[7.5] Bị cáo Tp trong vụ án cưỡng đoạt tài sản anh Dn là người thực hành đã trực tiếp thỏa thuận, ngã giá để buộc anh Dn phải giao tiền và nhận số tiền 1.000.000đ.

[8] Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” các bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 điều 170 BLHS, nhưng xét thấy hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, nên miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

[9] Đối với các đối tượng Phạm Văn Tg, Phạm Văn Di, Nguyễn Văn D, Lê Thế Dy, Nguyễn Thị L khi nhậ chung tại nhà của bị cáo Q, sau khi nghe Q rủ cả nhóm cùng đi đến quán bia, nước giải khát do chị Nguyễn Thị Thùy Dg làm chủ, nhằm mục đích kêu anh Đ đến để đe dọa, uy hiếp nhằm buộc Đ nộp tiền “Bảo kê” hàng tháng, thì cả nhóm đồng ý cùng đi và cùng thực hiện. Sau khi lấy được tiền của anh Đ và anh Lm, các đối tượng Tg, Di, D, Dy cùng tham gia sử dụng tiền lấy được để nhậ chung. Đối với Lê Văn Th trực Tp lấy tiền bảo kê của anh Dn đưa lại cho bị cáo Tp và cùng tham gia nhậ chung với Tp, P bằng số tiền bảo kê lấy được của anh Dn. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T không thể hoàn thành sớm việc điều tra đối với hành vi của Tg, Di, D, Dy, L và Th nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T đã Quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ-CSĐT ngày 09/4/2021

đối với hành vi của các đối tượng nêu trên để Tp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[10] Về vật chứng:

[10.1] Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Qn sử dụng ĐTDĐ hiệu OPPO F9, màu xanh – đen (hiện đã bị hư bong tróc màn hình không sử dụng được) và 01 thẻ sim số 0375.728.255, 01 thẻ sim số 0783.278.040 để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; Đinh Quốc Qu sử dụng ĐTDĐ hiệu Redmi 9A, màu đen, bên trong gắn thẻ sim số 0332.229.875 để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[10.2] Ngoài ra trong quá trình điều tra còn tạm giữ: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO F5, màu vàng (gold) có vỏ nhựa (ốp lưng) bên ngoài thuộc sở hữu của anh Trần Minh C cho bị cáo Nguyễn Văn Qn mượn, không biết bị cáo Qn sử dụng vào việc phạm tội. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, màu Đỏ - Đen - Bạc, biển số 62E1-203.36 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Mộng V, chị Vn cho bị cáo Nguyễn Văn Qn mượn không biết bị cáo Qn sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh C và chị Vn là phù hợp.

[10.3] Đối với đoạn file ghi âm có tên “23 thg 8. Mp3” dung lượng 15,7MB, độ dài đoạn ghi âm là 22 phút 19 giây do Trần Văn Dũng Lm giao nộp, được sao chép vào đĩa DVD và được niêm phong gửi giám định và 01 file dữ liệu được ghi âm tên “Ghi âm cuộc gọi thường. M4a”, thời gian 02 phút 51 giây, file được sao chép vào đĩa DVD hiệu Ming Cheng do Đặng Văn Dn giao nộp, đây là một trong những chứng cứ chứng minh hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo nên cần lưu giữ kèm theo hồ chính vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan CSĐT đã thu giữ được số tiền 4.000.000 đồng và gia đình của các bị cáo đã nộp lại số tiền 9.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại. Cụ thể :

- Vợ của bị cáo Tp tên Nguyễn Thị Mộng V giao nộp 1.000.000 đồng, chị V không yêu cầu nhận lại, nên không xem xét;
- Chị ruột của bị cáo Nguyễn Văn Qn tên Nguyễn Thị Kiều Tn giao nộp 2.000.000 đồng, chị Tn không yêu cầu nhận lại, nên không xem xét;
- Cha ruột của bị cáo Đinh Quốc Qu tên Đinh Văn T giao nộp 2.000.000 đồng, ông Tô không yêu cầu nhận lại, nên không xem xét;

- Mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Trọng Q tên Phạm Thị C giao nộp 2.000.000 đồng, bà Ca không yêu cầu nhận lại, nên không xem xét;

- Em ruột của bị cáo Lê Văn P tên Lê Thị Diễm S giao nộp 2.000.000 đồng, tại phiên tòa chị S vắng mặt, nhưng lời khai có trong hồ sơ (*bút lục 297-298*) thể hiện không yêu cầu nhận lại, nên không xem xét;

Tại phiên tòa các bị hại Đặng Văn Dn, Nguyễn Duy Đ và Trần Văn Dũng Lm vắng mặt, nhưng trong hồ sơ thể hiện anh Dn đã nhận 1.000.000 đồng, anh Đ đã nhận 6.000.000 đồng, anh Lm đã nhận 6.000.000 đồng. Hiện anh Dn, Đ, Lm có đơn đề nghị xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[12] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của người bào chữa cho bị cáo Tp có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng Q (Quy), Đinh Quốc Qu, Nguyễn Văn Qn (Quân 79), Lê Văn P (Thương) và Phạm Văn Tp cùng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Đối với bị cáo Phạm Văn Tp: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tp 11 tháng 20 ngày tù (Thời hạn tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam, tính từ ngày 12/11/2020 – 01/11/2021).

Căn cứ Điều 328 Bộ Luật tố tụng hình sự; tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Văn Tp tại phiên tòa nếu Phạm Văn Tp không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng Q, Đinh Quốc Qu và Nguyễn Văn Qn: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trọng Q 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/11/2020.

Bị cáo Đinh Quốc Qu 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/11/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn Qn 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/11/2020.

2.3. Đối với bị cáo Lê Văn P: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/11/2020.

2.4. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Tp tục tạm giam các bị cáo: Nguyễn Trọng Q, Nguyễn Văn Qn, Lê Văn P 45 ngày kể từ ngày tuyên án (01/11/2021) để đảm bảo thi hành án. Riêng đối với bị cáo Đinh Quốc Qu Tp tục tạm giam bị cáo Qn thời hạn 11 ngày kể từ ngày tuyên án (từ ngày 01/11/2021-12/11/2021) để đảm bảo việc thi hành án.

### 3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu xanh - đen, bị hư bong tróc màn hình không sử dụng được, 01 (một) thẻ sim số 0375.728.255, 01 (một) thẻ sim số 0783.278.040 của bị cáo Nguyễn Văn Qn và 01 ĐTDĐ hiệu Redmi 9A, màu đen gắn thẻ sim số 0332.229.875 của bị cáo Đinh Quốc Qu.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-VKSTT, ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T.

- Lưu giữ hồ sơ vụ án đoạn file ghi âm có tên “23 thg 8. Mp3” dung lượng 15,7MB, độ dài đoạn ghi âm là 22 phút 19 giây, được sao chép vào đĩa DVD và 01 file dữ liệu được ghi âm tên “Ghi âm cuộc gọi thường. M4a”, thời gian 02 phút 51 giây, file được sao chép vào đĩa DVD hiệu Ming Cheng.

4. Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Trọng Q, Đinh Quốc Qu, Nguyễn Văn Qn, Lê Văn P và Phạm Văn Tp mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### 5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần nội dung bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần nội dung bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Công an huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQL, NVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc A**